

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/DS-ST

Ngày: 21-10-2019

V/v tranh chấp hợp đồng

dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 282/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: ấp T, xã M, huyện D, tỉnh B. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; cùng hộ khẩu thường trú: ấp B, xã L, huyện D, tỉnh B. Bà L, ông P vắng mặt lần 2 không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1976; ngụ tại: Khu phố 6, thị trấn D1, huyện D, tỉnh B. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 7 năm 2019, những tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình tố tụng cũng như lời trình bày tại phiên tòa của ông P thể hiện như sau:

Vào ngày 18/01/2019, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn P có vay của ông P số tiền 200.000.000 đồng. Do chỗ thân thiết nên ông P cho vay, việc vay

tiền ông P, bà L có viết giấy vay, ký tên và lấn tay, thời hạn vay là 04 tháng theo lãi suất quy định của ngân hàng nhà nước. Đây là tiền của ông P, sở dĩ trong giấy vay tiền ngày 18/01/2019 ghi tên người cho vay là Nguyễn Ngọc C. Vì ông P và ông P là chỗ thân thiết nên sợ mất lòng nhau. Việc ông P cho vay, ông C không hề biết và cũng không có ký tên vào giấy vay tiền. Đến ngày 18/02/2019, ông P, bà L tiếp tục vay của tôi số tiền là 50.000.000 đồng để lo đám tang cho cha ông P. Số tiền này không có làm giấy tờ cho vay. Ông P, bà L hẹn vào ngày 18/5/2019 sẽ trả tổng cộng 02 số tiền là 250.000.000 đồng cùng tiền lãi cho ông P. Nhưng nay, quá hạn ông P, bà L không trả số tiền trên cho ông P. Nên ông P yêu cầu ông P, bà L thanh toán cho ông P số tiền gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền vay 200.000.000 đồng từ tháng 02 đến tháng 7 theo lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước 0,75%/ tháng x 6 tháng là 9.000.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 259.000.000 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu gì khác.

Chứng cứ mà ông P cung cấp: 01 giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của nguyên đơn (bản photo chứng thực); 01 hợp đồng vay tiền ngày 18/01/2019 (bản photo); giấy xác nhận của ông C; 01 đơn khởi kiện ngày 29/7/2019 (bản photo).

Bị đơn ông P trong tất cả quá trình tố tụng thể hiện ý kiến riêng, bà L vắng mặt:

Theo lời trình bày của ông P vào ngày 18/01/2019 vợ chồng chúng tôi có vay của ông P số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó đến ngày 18/02/2019 vợ chồng chúng tôi tiếp tục vay của ông P số tiền 50.000.000 đồng. Nay ông P yêu cầu vợ chồng chúng tôi trả số tiền 259.000.000 đồng. Trong đó có số tiền lãi 06 tháng của số tiền 200.000.000 đồng là 9.000.000 đồng: Ông P chấp nhận trả cho ông P số tiền 259.000.000 đồng.

Ngoài ra bị đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

*** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông C) có ý kiến trong văn bản xin vắng mặt:** Ông C xác định tiền cho ông P, bà L vay chỉ có đề tên trong giấy vay là của ông C nhưng tiền thực chất là của ông P. Ông C chỉ đứng tên dùm vì ông P và ông P, bà L rất thân tình với nhau sợ ghi tên ông P sẽ mất lòng.

Theo đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Hoàng A) có ý kiến:

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn; riêng bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Phiên tòa diễn ra đúng thành phần tham gia tố tụng.

Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Quan điểm xử lý vụ án: Trên cơ sở lời trình bày của ông P xác định các chữ ký, chữ viết trên giấy vay nợ là do ông P, bà L ký, viết ra. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Trên cơ sở chứng cứ là giấy vay tiền ngày 18/01/2019 mà nguyên đơn cung cấp. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 250.000.000 đồng nợ gốc và 9.000.000 đồng nợ tiền lãi. Hội đồng xét xử xác định vụ kiện thuộc tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nội dung tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 18/01/2019, ông P, bà L có ký tên, ghi họ tên, dấu vân tay bên dưới “giấy vay tiền” để vay của ông C số tiền 200.000.000 đồng. Việc vay tiền ông P, bà L có viết giấy vay, ký tên và lấn tay, thời hạn vay là 04 tháng theo lãi suất quy định quy định của ngân hàng nhà nước. Đến ngày 18/02/2019, ông P, bà L tiếp tục vay của ông C số tiền là 50.000.000 đồng để lo đám tang cho cha ông P. Số tiền này không có làm giấy tờ cho vay. Ông P, bà L hẹn vào ngày 18/5/2019 sẽ trả tổng cộng 02 số tiền là 250.000.000 đồng cho ông C. Ông P cho rằng người cho vay là ông P nhưng khi đến hạn trả nợ mà ông P, bà L không trả được nên ông P khởi kiện.

Ông C xác định bằng văn bản ngày 02/8/2019 thể hiện người cho vay là ông P, ông C chỉ đứng tên thay cho ông P. Lý do bà L, ông P thân tình với ông P mà ghi tên cho vay thì sợ mất lòng. Ông C khẳng định ông C là người đứng tên cầm còn tiền cho ông P, bà L vay là tiền của ông P. Từ kết quả xác minh và hòa giải của ông P đã xác định ông P thừa nhận ông P, bà L có vay tiền của ông P; không vay của ông C như lời ông P trình bày. Ông P thừa nhận nợ và chấp nhận trả 259.000.000 đồng như ông P khởi kiện. Riêng bà L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà L vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa thì cả ông P, bà L đều vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định. Từ các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông P, bà L có vay của ông P 250.000.000 đồng. Ông P thừa nhận và chấp nhận trả nợ cả nợ gốc và tiền lãi. Đến hạn trả nợ là 18/5/2019 mà ông P, bà L không trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông P, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của ông P được chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 235, 243, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố Tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình P đối với ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị L cùng liên đới phải trả cho ông Nguyễn Đình P số tiền 259.000.000 (hai trăm năm mươi chín triệu) đồng.

Sau khi án có hiệu lực, kể từ ngày ông P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông P, bà L không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông P, bà L còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án sơ dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị L chịu 12.950.000 đồng (mười hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Đình P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.475.000 đồng (sáu triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0031811 ngày 31/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 21/10/2019).

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Anh Tuấn